

**CÔNG TY TNHH
ĐT&PTCN AN ĐÌNH
CV: 09.01/ANDINH/2021**

V/v: Thông báo mẫu nhãn bao bì
sản phẩm Gạo xát dổi Tomrice

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
Số: 490	ngày 22/3/2021
CÔNG	CHUYÊN
VĂN	Lãnh đạo CC
ĐẾN	Phòng
Sao	

Kính gửi: Chi Cục An toàn vệ sinh Thực phẩm Hưng Yên

Chúng tôi là: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ An Đình

Địa chỉ: Thôn Hòe Lâm, xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Chi Cục An toàn vệ sinh Thực phẩm Hưng Yên, sự hỗ trợ kịp thời của Quý Chi Cục đã góp phần vào việc sản xuất và kinh doanh thành công những sản phẩm của chúng tôi trong thời gian qua.

Ngày 11/03/2021 Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ An Đình đã nộp Bản tự công bố sản phẩm số 09/AND/2021 (ngày 02/03/2021) cho sản phẩm “Gạo xát dổi Tomrice”. Cụ thể như sau:

- Tên sản phẩm: Gạo xát dổi Tomrice
- Bản tự công bố sản phẩm số: 09/ANDINH/2021 (ngày 02/03/2021)
- Ngày nộp Bản tự Công bố sản phẩm về Chi cục ATTP Hưng Yên: 11/03/2021

Trong bản tự công bố sản phẩm này, chúng tôi đã có mẫu nhãn dự thảo của sản phẩm thể hiện các nội dung sơ lược của bao bì, ngoài ra đính kèm mẫu nhãn dán trên bao bì không in.

Hiện nay do nhu cầu phát triển thị trường, chúng tôi thay đổi mẫu mã bao bì, dựa trên mẫu nhãn dán cũ. Tuy nhiên hiện nay trong bối cảnh trên thị trường tràn lan các sản phẩm không rõ chất lượng hoặc xuất xứ, chúng tôi hiểu được nhu cầu của người tiêu dùng là tìm hiểu và xác thực các thông tin liên quan tới sản phẩm. Đồng thời để đáp ứng nhu cầu được biết rõ về xuất xứ và chất lượng sản phẩm của người tiêu dùng, Công ty An Đình sẽ thể hiện trên bao bì các thông tin liên quan tới chất lượng sản phẩm, cũng như cam kết kiểm soát chất lượng sản phẩm phù hợp với trách nhiệm của nhà sản xuất.

Vì vậy, Công ty An Đình xin được gửi công văn này thông báo tới Quý Chi Cục về việc điều chỉnh mẫu nhãn dự thảo và mẫu nhãn chính thức cho sản phẩm Gạo xát dổi Tomrice: bổ sung các thông tin chất lượng sản phẩm và cam kết kiểm soát chất lượng, thể hiện qua việc kiểm soát một số hoạt chất bảo vệ thực vật (bị cấm hoặc hạn chế tồn dư trên gạo theo quy định của EU và Mỹ): Isoprothiolane (*); Hexaconazole (*); Difenconazole (**); Tricyclazole (**)

(*) Theo quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc BVTV của Mỹ và Nhật Bản,

(**) Theo quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc BVTV của EU và Nhật Bản.

Theo đó, chúng tôi điều chỉnh mẫu nhãn dự thảo mới như sau:

GẠO XÁT DỎI TOMRICE

CÔNG TY TNHH ĐT & PT CÔNG NGHỆ AN ĐÌNH

Địa chỉ sản xuất: NGỌC LÂM, MỸ HÀO, HUNG YÊN

Thành phần: **GẠO XÁT DỎI ST24**

Chỉ tiêu chất lượng chính (g%):

- | | | | |
|--------------|----------------|-------------|---------------|
| - H/l Gluxit | : $\geq 70,00$ | - Tỷ lệ tấm | : $\leq 5,00$ |
| - Độ ẩm | : $\leq 14,00$ | - Tạp chất | : $\leq 0,10$ |

Gieo trồng trên ruộng tằm tự nhiên, kiểm soát nghiêm ngặt. Đạt chuẩn dư lượng xuất khẩu EU, Mỹ, Nhật Bản (*)

(*) Tomrice là dòng sản phẩm được triển khai gieo trồng trong ruộng Tằm, kiểm soát phân bón và không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật độc hại theo quy trình sản xuất được An Đình xây dựng phù hợp riêng. Trước khi thu hoạch, tất cả các ruộng đều được lấy mẫu và kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, chỉ ruộng có mẫu đạt tiêu chuẩn EU, Mỹ và Nhật Bản mới được thu mua.

Tomrice không chỉ ngon mà còn rất an toàn, mang đến sự an tâm tuyệt đối cho mỗi bữa cơm gia đình Việt.

Khối lượng tịnh: in trên bao bì.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: in trên bao bì.

Hạn sử dụng: 01 năm kể từ khi đóng gói.

Bản tự công bố sản phẩm số: 09/ANDINH/2021

Sản xuất: CÔNG TY TNHH ĐT & PT CÔNG NGHỆ AN ĐÌNH

Sản xuất tại Việt Nam

Hướng dẫn bảo quản sản phẩm:

- Để nơi thoáng mát, sạch sẽ, tránh xa các loại hóa chất, nhiệt độ cao.
- Gạo sẽ ngon hơn khi bảo quản lạnh.

Để thực hiện cam kết của doanh nghiệp cũng như cung cấp bằng chứng xác thực cho các nội dung thể hiện trên bao bì sản phẩm, chúng tôi đã tiến hành gửi mẫu sản phẩm tới đơn vị kiểm định kiểm tra chất lượng sản phẩm. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu nêu trên đã được gửi kèm trong Bản tự công bố sản phẩm ngày 02/03/2021. Việc kiểm nghiệm các

chỉ tiêu cam kết này sẽ được thực hiện định kỳ hằng năm, tương tự như kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định hiện hành của nhà nước. Trên bao bì thực tế của sản phẩm, ngoài việc thể hiện thông tin cam kết về chất lượng bao bì thì chúng tôi còn có mã QR Code để khách hàng dễ dàng tra cứu, xác minh xuất xứ, nguồn gốc của sản phẩm.

Ngoài các nội dung bổ sung đã nêu trên, chúng tôi cam kết không tự thay đổi các thông tin khác như đã công bố trong Bản tự công bố sản phẩm trong quá trình lưu hành sản phẩm trên. Trường hợp cần thay đổi bất cứ thông tin gì, chúng tôi sẽ gửi công văn thông báo tới Quý Chi cục trước khi áp dụng.

Xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Chi cục.

Hưng Yên, ngày 12 tháng 07 năm 2021

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ AN ĐÌNH**



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Nhi



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG	Số: 106 ngày 11/12/2021
VĂN	CHUYÊN
ĐẾN	Lãnh đạo CC.....
	Phòng.....
	Số.....

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/ANDINH/2021



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Nhi

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ An Đình

Địa chỉ: Thôn Hòe Lâm, xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221 222 4901

Fax: 0221 222 4901

E-mail: ceo@andinh.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0900290164

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng.

Số Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý ATTP TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018 số HA174/3.20.CII do Trung tâm chứng nhận Phù hợp (QUACERT) cấp ngày 23/09/2020, cấp lần đầu ngày 27/04/2011.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **GAO XÁT DỐI TOMRICE**

2. Thành phần: Được chọn lựa từ nguồn nguyên liệu là giống ST24 – giống gạo thơm ngon nổi tiếng, đã đạt giải Gạo ngon nhất Việt Nam năm 2019.

Sản phẩm Gạo xát dối TOMRICE đặc biệt được gieo trồng trong ruộng tôm, được công ty kiểm soát phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 06 tháng kể từ ngày đóng gói

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Đóng gói trong các túi chất liệu PE, PA/PE, OPP/PE đạt tiêu chuẩn QCVN 12-1:2011/BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu chuẩn: 0,5kg ; 1kg; 2kg; 2,5kg; 3kg; 4kg; 5kg; 10kg.

- Đóng gói trong các bao bì chất liệu PP đạt tiêu chuẩn QCVN 12-1:2011/BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu chuẩn: 9,07kg; 10kg; 15kg; 18,14kg; 20kg; 25kg; 30kg; 40kg; 50kg, 1000kg. Tùy theo yêu cầu của khách hàng có thể có lót hoặc không lót một lớp PE bên trong lớp PP.

- Tùy theo từng loại bao bì và kích cỡ bao bì mà có thể có hoặc không gắn mã QR (Loại mã hỗ trợ người tiêu dùng có thể truy xuất nguồn gốc).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ An Đình. Địa chỉ: Thôn Hòe Lâm, xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Nội dung ghi nhãn:

Theo đúng quy định như trong nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của chính phủ về Nhãn hàng hóa và thông tư liên bộ 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2014 “Hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn”.

1. Tên sản phẩm;
2. Thành phần cấu tạo;
3. Định lượng sản phẩm;
4. Ngày sản xuất; Thời hạn sử dụng;
5. Hướng dẫn bảo quản; Hướng dẫn sử dụng;
6. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm; xuất xứ;
7. Số giấy TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM;
8. Các khuyến cáo, cảnh báo an toàn thực phẩm;
9. Nội dung khác: Thành phần chất lượng chính.

DỰ THẢO NỘI DUNG GHI NHÃN:

GẠO XÁT DÓI TOMRICE

CÔNG TY TNHH ĐT & PT CÔNG NGHỆ AN ĐÌNH

Địa chỉ sản xuất: **NGỌC LÂM, MỸ HÀO, HUNG YÊN**

Thành phần: **GẠO XÁT DÓI TOMRICE**

Chỉ tiêu chất lượng chính (g%):

- | | |
|----------------------------|-------------------------|
| - H/I Gluxit: $\geq 70,00$ | - Độ ẩm : $\leq 14,00$ |
| - Tỷ lệ tấm : $\leq 5,00$ | - Tạp chất: $\leq 0,10$ |

Khối lượng tịnh: in trên bao bì.

Ngày sản xuất & hạn sử dụng: in trên bao bì.

Hạn sử dụng: 06 tháng kể từ khi đóng gói.

Xuất xứ: CÔNG TY TNHH ĐT & PT CÔNG NGHỆ AN ĐÌNH – Việt Nam

Hướng dẫn sử dụng bảo quản sản phẩm:

- Để nơi thoáng mát, sạch sẽ, tránh ánh sáng trực tiếp
- Tránh xa các loại hóa chất, nhiệt độ cao.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật số 55/2010/QH12 của Quốc Hội ban hành "Luật an toàn thực phẩm";
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm";
- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT của Bộ Y tế về "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm";
- Thông tư 50/2016/TT-BYT của Bộ Y tế về "Quy định Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm"
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT và QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm và kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư 27/2012/TT-BYT của Bộ Y tế về việc "hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm"
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về nhãn hàng hóa

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 02 tháng 03 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Nhi





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 21.02.19.200

1. Tên mẫu/Name of sample : **Gạo xát dôi Tomrice**
2. Tên/địa chỉ khách hàng : Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghệ An Đình
Name/Address of customer : Thôn Hòa Lâm, xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. Mô tả mẫu/Sample description : Gạo đều hạt đóng túi.
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample : 19/02/2021
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel : Khách hàng tự gửi mẫu/By customer
performing/sending sample(s)
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of : 19/02/2021-24/02/2021
testing activities
7. Kết quả thử nghiệm/Test results :

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit
1	Cảm quan Sensory properties	KNVSATTP 91/BYT	/	Màu sắc tự nhiên, mùi thơm đặc trưng.	TCVN 11889:2017
2	Tỷ lệ thóc/Paddy	TCVN 1643:2008	Hạt/kg	0,0	TCVN 11889:2017 (theo bảng 2)
3	Tỷ lệ tằm/Broken rice	KNVSATTP 91/BYT	%	1,5	TCVN 11889:2017 (theo bảng 2)
4	Tạp chất/Impurities	TCVN 8368:2010	%	Không phát hiện ($< 0,01$)	TCVN 11889:2017 (theo bảng 2)
5	Gluxit/Carbohydrates	KNVSATTP 91/BYT	%	76,6	TCCS/GMP
6	Protein	TCVN 8125:2015	%	9,05	TCCS/GMP
7	Ẩm/Humidity	TCVN 1643:2008	%	12,3	TCVN 11889:2017 $\leq 14,0$
8	Aflatoxin tổng số Total aflatoxin	TCVN 7596:2007	$\mu\text{g}/\text{kg}$	Không phát hiện ($< 1,0$)	QCVN 8-1:2011/BYT $\leq 10,0$
9	Aflatoxin B ₁	TCVN 7596:2007	$\mu\text{g}/\text{kg}$	Không phát hiện ($< 0,5$)	QCVN 8-1:2011/BYT $\leq 5,0$

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2021/Hanoi, February 24, 2021

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING



ThS. Nguyễn Thành Trung

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trương Quang Việt

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/
Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test- Result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 595

Số/No.: 21.02.19.200

1. Tên mẫu: Gạo xát dối Tomrice
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghệ An Đình
Name/Address of customer
Thôn Hòe Lâm, xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. Mô tả mẫu: Trong 03 túi x 500g
Sample description:
4. Ngày nhận mẫu: 19/02/2021
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu: Khách hàng tự gửi
The personnel performing/sending sample(s)
By customer
6. Ngày thực hiện kiểm nghiệm: 19/02/2021 - 24/02/2021
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Kết quả <i>Result</i>	Giới hạn tối đa cho phép <i>Regular limit</i> 46/2007/QĐ-BYT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí * <i>Total aerobic microorganisms</i>	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	5,5x10 ³	10 ⁶
2	Coliforms *	TCVN 6848:2007	CFU/g	<10	10 ³
3	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 7924-2:2008	CFU/g	<10	10 ²
4	<i>Staphylococcus aureus</i> *	TCVN 4830-1:2005	CFU/g	<10	10 ²
5	<i>Clostridium perfringens</i> *	TCVN 4991:2005	CFU/g	<10	10 ²
6	<i>Bacillus cereus</i> giả định *	TCVN 4992:2005	CFU/g	<10	10 ²
7	Tổng số nấm men và nấm mốc * <i>Total yeasts and moulds</i>	TCVN 8275-2:2010	CFU/g	<10 ²	10 ³

Nhận xét:

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2021/Hanoi, February 24, 2021
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trương Quang Việt

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- KPH: Không phát hiện/ Not detected
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày hẹn trả kết quả/Do not accept the proposal in case there is no retained sample, or more than 05 days from the date on the appointment for Test-Result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2021-00012948
 Mã số kết quả: AR-21-VD-015815-01-VI / EUVNHC-00127570-1615279061



Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ An Đình
 Thôn Hòe Lâm, Xã Ngọc Lâm, Thị xã Mỹ Hào
 Tỉnh Hưng Yên
 Việt Nam

Tên mẫu: Gạo xát dối Tomrice
 Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong túi nhựa
 Ngày nhận mẫu: 23/02/2021
 Thời gian thử nghiệm: 24/02/2021 - 02/03/2021
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 02/03/2021
 Mã số PO của khách hàng: NGM2210223044-HN

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
2	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
3	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/kg	AOAC 2015.01	0.06
4	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
5	VD0JC VD (a) Diflubenzuron	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
6	VD0M7 VD (a) Dichlorvos	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
7	VD0P3 VD (a) Cyhalothrin-lambda (gồm Cyhalothrin-gamma)	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
8	VD0Q1 VD (a) Chlorfenapyr	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
9	VD0RJ VD (a) Trifloxystrobin	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
10	VD0RS VD (a) Tebuconazole	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
11	VD0RZ VD (a) Thiacloprid	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
12	VD0S0 VD (a) Isoprothiolane	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
13	VD0SA VD (a) Tricyclazole	mg/kg	EN 15662:2018	Phát hiện vết (<0.01)
14	VD0SE VD (a) Clothianidin	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
15	VD0SG VD (a) Fipronil	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.002)
16	VD0T3 VD (a) Cyproconazole	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
17	VD0T5 VD (a) Difenoconazole	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
18	VD0TI VD (a) Hexaconazole	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
19	VD0U3 VD (a) Propiconazole	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
20	VD0UB VD (a) Cycloxydim	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
21	VD0W9 VD (a) Dinotefuran	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
22	VD0XQ VD Etofenprox	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
23	VD0YM VD (a) Chlorantraniliprole	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
24	VD0YR VD (a) Azoxystrobin	mg/kg	EN 15662:2018	Phát hiện vết (<0.01)
25	VD0Z2 VD (a) Imazapic	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
26	VD10M VD (a) Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD10L VD (a) Chlorpyrifos-methyl	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
28	VD1FS VD (a) Cypermethrin	mg/kg	EN 15662:2018	Phát hiện vết (<0.01)
29	VD1BZ VD Imazamox	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
30	VD1HW VD Paraquat	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
31	VE0B1 VE (a) Acid oxolinic	µg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP10-0054) (LC-MS/MS)	Không phát hiện (LOD=0.5)
32	VD2KA VD (a) Glufosinate-ammonium	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-1-TP-5204)	Không phát hiện (LOD=0.003)

 NH: 0
 CH
 CÔNG
 EU
 ACK
 TẠI T
 NH

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
33	VD2MW DS Streptomycin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006)	Không phát hiện (LOD=70)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Trưởng Phòng Thí Nghiệm Chi Nhánh Hà Nội



Phạm Thị Nhân
Giám Đốc chi nhánh Hà Nội

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 08/03/2021

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận điện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
 "VE": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng tại Cần Thơ. (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2021-00012948
 Mã số kết quả: AR-21-VD-015815-01-VI / EUVNHC-00127570-1615278983



Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ An Đình
 Thôn Hòa Lâm, Xã Ngọc Lâm, Thị xã Mỹ Hòa
 Tỉnh Hưng Yên
 Việt Nam

Tên mẫu: Gạo xát dối Tomrice
 Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong túi nhựa
 Ngày nhận mẫu: 23/02/2021
 Thời gian thử nghiệm: 24/02/2021 - 02/03/2021
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 02/03/2021
 Mã số PO của khách hàng: NGM2210223044-HN

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD152 VD (a) Xơ thô	%	TCVN 5103:1990 (ISO 5498:1981)	0.64
2	VD565 VD (a) Vitamin B1 (Thiamin)	mg/100 g	Ref. BS EN 14122:2014	0.1
3	VD567 VD (a) Vitamin B5 (Acid panthonic)	mg/100 g	Ref. AOAC 2012.16	0.50
4	VD571 VD (a) Vitamin B9 (Acid folic)	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-1-TP-5641) (LC-UV)	7.45
5	VD664 VD (a) Vitamin B3 (as Niacin)	mg/100 g	EN 15652 2009 mod.	0.17
6	VD852 VD (a) Vitamin E (alpha-tocopherol)	mg/100 g	AOAC 992.03	0.26
7	VD128 VD (a) Canxi (Ca)	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-3507) (Ref. AOAC 968.08 (2011))	94.5
8	VD190 VD (a) Magie (Mg)	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-3507) (Ref. AOAC 968.08 (2011))	321
9	VD255 VD (a) Kali (K)	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-3500)	1250
10	VD890 VD (a) Sắt (Fe)	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5254) (Ref. AOAC 2015.01)	3.5
11	VD2EC VD Mangan (Mn)	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5254) (Ref. AOAC 2015.01)	10.5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Trưởng Phòng Thí Nghiệm Chi Nhánh Hà Nội



Phạm Thị Nhân
Giám Đốc chi nhánh Hà Nội

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 08/03/2021

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
 "VE": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm CN CT TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng tại Cần Thơ. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

